

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2025
V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ánh Hồng, Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thư ký viên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 188/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc: “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 10/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị Thu T, sinh ngày 30/4/1994; Nơi cư trú: xóm V, xã L, tỉnh Phú Thọ. Căn cước công dân số 01794003768, cấp ngày 20/4/2024. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: anh Bùi Văn Q, sinh năm 1990; Nơi cư trú: xóm V, xã L, tỉnh Phú Thọ; Căn cước công dân số 017090006690, cấp ngày 25/6/2021. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, Bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn chị Bùi Thị Thu T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Bùi Văn Q kết hôn trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện có đăng ký tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình (cũ), nay là xã L, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng có bất đồng về quan điểm, lối sống dẫn đến có nhiều mâu thuẫn, kể từ cuối năm 2023 đến nay chị và anh Q đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau.

Chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn Q.

+ *Về con chung*: trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh Q có 02 con chung là Bùi Thị Hiền N, sinh ngày 13/4/2016; Bùi Lệ H, sinh ngày 13/12/2013, hiện nay cả hai con đều ở với chị kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi hai con và chưa yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

+ *Về tài sản chung, công sức đóng góp*: không có.

+ *Về công nợ chung*: không có.

- Lời khai của anh Bùi Văn Q trong quá trình giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân*:

Anh Q xác nhận anh và chị Bùi Thị Thu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình (cũ) nay là xã L, tỉnh Phú Thọ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường cho đến cuối năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do khoảng thời gian này gia đình anh có mua một chiếc xe ô tô, chị T lái xe đi làm tóc làm vỡ đuôi xe ô tô, anh có nói với chị T là làm hỏng thì tự mang xe đi sửa, chị T nghe vậy thì giận dỗi bỏ về nhà ngoại, sau đó anh có nói lại với chị T là về nhà ở, đừng ở nhà ngoại nữa, xe anh sẽ tự đi sửa nhưng chị T không nghe, chị T cho rằng vợ chồng chung sống không hợp nhau, kiên quyết không về nhà ở với anh mà cứ ở bên nhà ngoại, kể từ tháng 12/2023 tới nay vợ chồng sống ly thân, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh đã nhiều lần nhắn tin thăm hỏi chị T nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được, nay chị T đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn, anh Q đồng ý.

+ *Về con chung*: trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị T có 02 con chung là Bùi Thị Hiền N, sinh ngày 13/4/2016; Bùi Lệ H, sinh ngày 13/12/2013, hiện nay cả hai con đang ở với chị T. Anh Q đồng ý việc chị T trực tiếp nuôi hai con, và anh chưa phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

+ *Về tài sản chung, công sức đóng góp*: không có.

+ *Về công nợ chung*: không có.

- Ý kiến của cháu Bùi Thị Hiền N và Bùi Lệ H đều đề nghị được ở với mẹ là chị Bùi Thị Thu T. Kết quả xác minh tại nơi cư trú về tình trạng hôn nhân của chị T, anh Q, xác định quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh Q có mâu thuẫn và hiện nay anh, chị đã sống ly thân. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, tỉnh Phú Thọ sau khi tóm tắt, phân tích vụ án trình bày quan điểm: Về tố tụng: kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong việc nộp đơn khởi kiện, nộp tiền tạm ứng án phí, cung cấp tài liệu chứng cứ, trình bày ý kiến quan điểm trong quá trình Toà án thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 228

Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thu T; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Bùi Thị Thu T được ly hôn anh Bùi Văn Q.

Về con chung: chị Bùi Thị Thu T và anh Bùi Văn Q có 02 con chung là Bùi Thị Hiền N, sinh ngày 13/4/2016 và Bùi Lệ H, sinh ngày 13/12/2013. Hiện nay cả hai con đều đang ở với chị T, chị T yêu cầu được nuôi cả hai con, yêu cầu của chị T phù hợp với ý kiến đề nghị của cháu N và cháu H, anh Q đồng ý với yêu cầu của chị T. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Hiền N và cháu Bùi Lệ H, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị T chưa yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xử lý.

Về tài sản chung, công sức đóng góp: các đương sự đều xác nhận không có nên không đề cập xử lý.

Về công nợ chung: các đương sự xác nhận không có công nợ chung nên không đề cập xử lý.

Về án phí: chị Bùi Thị Thu T phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Tòa nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Bùi Thị Thu T và anh Bùi Văn Q đều có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã L, tỉnh Phú Thọ, do đó việc Tòa án nhân dân khu vực 13 - tỉnh Phú Thọ thụ lý đơn khởi kiện vụ án xin ly hôn của chị T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đảm bảo người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thu T và anh Bùi Văn Q là hợp pháp vì kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

[3.2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Thu T:

Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh Q đều xác nhận trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh, chị đã xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà để chị T, anh Q về đoàn tụ nhưng không hoà giải được do anh Q không có mặt tại phiên hoà giải. Tại phiên toà chị T giữ nguyên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn, anh Q vắng mặt tại phiên toà.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình chung sống giữa chị T và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị có bất đồng về quan điểm lối sống và về kinh tế gia đình; anh, chị đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay.

Nay xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Thu T. Xử cho chị Bùi Thị Thu T được ly hôn anh Bùi Văn Q.

[3.3]. Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thu T và anh Bùi Văn Q có 02 con chung là Bùi Thị Hiền N, sinh ngày 13/4/2016 và Bùi Lệ H, sinh ngày 13/12/2013. Chị T yêu cầu được nuôi cả hai con, yêu cầu của chị T phù hợp với ý kiến đề nghị của cháu N và cháu H, anh Q đồng ý với yêu cầu của chị T. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Hiền N và cháu Bùi Lệ H, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T chưa yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xử lý.

[3.4]. Về tài sản chung, công sức đóng góp: các đương sự xác nhận không có, nên không xem xét giải quyết.

[3.5]. Về nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: chị Bùi Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 264; Điều 266, Điều 267; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: xử cho chị Bùi Thị Thu T được ly hôn anh Bùi Văn Q.

2. Về con chung: Giao chị Bùi Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Hiền N, sinh ngày 13/4/2016 và Bùi Lệ H, sinh ngày 13/12/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Bùi Thị Thu T chưa yêu cầu anh Bùi Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn anh Bùi Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Anh Bùi Văn Q, chị Bùi Thị Thu T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp: không có, không xem xét giải quyết.

4. Về công nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Bùi Thị Thu T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003222 ngày 10/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

6. Về quyền kháng cáo: chị Bùi Thị Thu T và anh Bùi Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Liên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Trung

